

3. Chủ đầu tư: Công ty cổ phần đầu tư phát triển bất động sản Nam Đô
(địa chỉ: *Đội 11, thôn Kim Lôi, phường Bắc An Phú, thành phố Hải Phòng*)

4. Quy mô dự án:

- Tổng diện tích thực hiện dự án: 29.737,00 m²

- Diện tích xây dựng:

(1). Xây dựng mới 04 công trình nhà ở xã hội, quy mô mỗi công trình cao 20 tầng nổi + 01 tầng hầm + 01 tum, gồm 1.388 căn hộ.

- Tòa CT1, CT3 diện tích xây dựng khoảng 3.019,22 m², diện tích sàn xây dựng khoảng 59.839,24 m², số lượng khoảng 792 căn;

- Tòa CT2, CT4 diện tích xây dựng khoảng 2.307,28 m², diện tích sàn xây dựng khoảng 44.906,82 m², số lượng khoảng 596 căn;

(2). Xây dựng 52 công trình nhà ở, quy mô cao 05 tầng, diện tích mặt bằng xây dựng 40922,03 m².

(3). Xây dựng nhà sinh hoạt cộng đồng quy mô cao 02 tầng, diện tích mặt bằng xây dựng 390,99 m².

5. Tổng vốn đầu tư: 1.429.016.850.000 đồng (*Bằng chữ: Một nghìn bốn trăm hai mươi chín tỷ, không trăm mười sáu triệu, tám trăm năm mươi nghìn đồng*)

6. Tiến độ thực hiện: Hoàn thành đầu tư xây dựng các công trình của dự án trong 36 tháng kể từ ngày bàn giao đất cho nhà đầu tư thực hiện dự án (Quyết định số 4500/QĐ-UBND ngày 10/11/2025 của UBND thành phố Hải Phòng về việc giao đất cho Chủ đầu tư thực hiện dự án).

II. Pháp lý của dự án

1. Thông tin về hồ sơ thủ tục đầu tư của Dự án:

- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty cổ phần đầu tư phát triển bất động sản Nam Đô, mã số doanh nghiệp 0801452022, đăng ký thay đổi lần thứ 2 ngày 16/12/2025 do Phòng Đăng ký kinh doanh và quản lý doanh nghiệp - Sở Tài chính thành phố Hải Phòng cấp;

- Quyết định số 2738/QĐ-UBND ngày 29/6/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hải Dương về việc chấp thuận chủ trương đầu tư dự án đầu tư xây dựng nhà ở xã hội thuộc Khu dân cư, nhà ở công nhân và dịch vụ Khu công nghiệp Tân Trường, huyện Cẩm Giàng;

- Quyết định 3945/QĐ-UBND ngày 02/10/2025 của Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng về việc giao chủ đầu tư thực hiện dự án nhà ở xã hội thuộc Khu dân cư, nhà ở công nhân và dịch vụ Khu công nghiệp Tân Trường, huyện Cẩm Giàng (nay là xã Mao Điền, thành phố Hải Phòng);

- Quyết định số 1811/ QĐ-TGD-NĐ ngày 18/11/2025 của Công ty cổ phần đầu tư phát triển Bất động sản Nam Đô về việc phê duyệt dự án Nhà ở xã hội thuộc Khu dân cư, nhà ở công nhân và dịch vụ Khu công nghiệp Tân Trường, huyện Cẩm Giàng;

2. Thông tin pháp lý về hồ sơ quy hoạch, thiết kế, xây dựng của dự án:

- Quyết định số 1306/QĐ-UBND ngày 04/4/2025 của Ủy ban nhân dân huyện Cẩm Giàng về việc phê duyệt điều chỉnh cục bộ quy hoạch ô đất NOCN thuộc đồ án quy hoạch chi tiết xây dựng khu dân cư, nhà ở công nhân và dịch vụ khu công nghiệp Tân Trường, huyện Cẩm Giàng, tỉnh Hải Dương, tỷ lệ 1/500;

- Văn bản số 830/TĐ-PCCC ngày 18/11/2025 về thẩm định phòng cháy chữa cháy và Văn bản số 3633/PC07-Đ2 ngày 24/11/2025 về việc xác nhận nội dung của Văn bản thẩm định thiết kế về phòng cháy chữa cháy của Phòng Cảnh sát PCCC&CNCH thuộc Công an thành phố Hải Phòng cho dự án Nhà ở xã hội thuộc Khu dân cư, nhà ở công nhân và dịch vụ Khu công nghiệp Tân Trường, huyện Cẩm Giàng;

- Quyết định số 2411/QĐ-TGĐ-NĐ ngày 24/11/2025 của Công ty cổ phần đầu tư phát triển Bất động sản Nam Đô về việc phê duyệt thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở thuộc dự án Nhà ở xã hội thuộc Khu dân cư, nhà ở công nhân và dịch vụ Khu công nghiệp Tân Trường, huyện Cẩm Giàng;

- Giấy phép xây dựng số 78/GPXD ngày 27/11/2025 của Sở Xây dựng thành phố Hải Phòng cấp cho Công ty cổ phần đầu tư phát triển bất động sản Nam Đô được phép xây dựng công trình thuộc dự án Nhà ở xã hội thuộc Khu dân cư, nhà ở công nhân và dịch vụ Khu công nghiệp Tân Trường, huyện Cẩm Giàng;

- Thông báo số 2711/2025/TB-NĐ ngày 27/11/2025 của Công ty cổ phần đầu tư phát triển bất động sản Nam Đô về việc khởi công thực hiện dự án Nhà ở xã hội thuộc Khu dân cư, nhà ở công nhân và dịch vụ Khu công nghiệp Tân Trường, huyện Cẩm Giàng, tỉnh Hải Dương (nay là xã Mao Điền, thành phố Hải Phòng).

3. Thông tin về đất đai:

- Quyết định số 4500/QĐ-UBND ngày 10/11/2025 của UBND thành phố Hải Phòng về việc giao đất cho Công ty cổ phần đầu tư phát triển bất động sản Nam Đô để thực hiện Dự án nhà ở xã hội thuộc Khu dân cư, nhà ở công nhân và dịch vụ Khu công nghiệp Tân Trường, huyện Cẩm Giàng, tỉnh Hải Dương.

4. Hồ sơ thế chấp, bảo lãnh và giải chấp:

- Chủ đầu tư cam kết không cầm cố thế chấp Dự án tại bất cứ ngân hàng, tổ chức tín dụng hoặc tổ chức cá nhân nào khác.

5. Thông tin về công tác nghiệm thu công trình:

- Văn bản số 4245/UBND-VP ngày 18/11/2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hải Dương về việc nghiệm thu hạ tầng kỹ thuật dự án đầu tư xây dựng Khu dân cư, nhà ở công nhân và dịch vụ Khu công nghiệp Tân Trường, huyện Cẩm Giàng;

- Thông báo số 714/TB-SXD ngày 29/12/2025 của Sở Xây dựng thành phố Hải Phòng về việc Thông báo kết quả kiểm tra công tác nghiệm thu trong quá trình thi công hạng mục công trình ngầm tòa CT4 của dự án Nhà ở xã hội thuộc Khu dân cư, nhà ở công nhân và dịch vụ Khu công nghiệp Tân Trường, huyện Cẩm Giàng.

6. Văn bản đề nghị của Chủ đầu tư:

Văn bản số 3012/2025/SHP-ĐT ngày 30/12/2025 của Công ty cổ phần đầu tư phát triển bất động sản Nam Đô về việc thông báo đủ điều kiện được đưa vào kinh

doanh nhà ở hình thành trong tương lai (298 căn của tòa CT4) tại dự án khu Nhà ở xã hội thuộc Khu dân cư, nhà ở công nhân và dịch vụ Khu công nghiệp Tân Trường.

Kèm theo các tài liệu, hồ sơ Dự án có liên quan và danh sách 298 căn hộ (tòa CT4) chung cư hình thành trong tương lai thuộc dự án

III. Thông tin về nhà ở hình thành trong tương lai đủ điều kiện được bán

Theo Văn bản số 3012/2025/SHP-ĐT ngày 30/12/2025 của Công ty cổ phần đầu tư phát triển bất động sản Nam Đô đề nghị Sở Xây dựng thông báo đủ điều kiện được đưa vào kinh doanh nhà ở hình thành trong tương lai (298 căn của tòa CT4) tại dự án khu Nhà ở xã hội thuộc Khu dân cư, nhà ở công nhân và dịch vụ Khu công nghiệp Tân Trường do Công ty cổ phần đầu tư phát triển bất động sản Nam Đô làm chủ đầu tư.

(Có Phụ lục chi tiết mô tả thông tin về 298 căn hộ (tòa CT4) chung cư hình thành trong tương lai thuộc dự án đủ điều kiện đưa vào kinh doanh: Diện tích, số lượng, vị trí, ... gửi kèm theo Văn bản này)

IV. Điều kiện của nhà ở hình thành trong tương lai tại dự án đã đáp ứng để được bán

Nhà ở xã hội gồm 298 căn hộ (tòa CT4) chung cư hình thành trong tương lai tại dự án đầu tư xây dựng Khu nhà ở xã hội tại dự án khu Nhà ở xã hội thuộc khu dân cư, nhà ở công nhân và dịch vụ Khu công nghiệp Tân Trường đáp ứng (có danh sách kèm theo) các điều kiện quy định tại Điều 24 của Luật Kinh doanh bất động sản 2023 và khoản 3 Điều 88 của Luật Nhà ở 2023, cụ thể:

1. Về điều kiện khởi công, hồ sơ giấy tờ theo quy định tại khoản 1 và điểm a, điểm b, khoản 3, Điều 24 của Luật Kinh doanh bất động sản 2023 và điểm a khoản 3 Điều 88 của Luật Nhà ở 2023:

- Giấy phép xây dựng số 78/GPXD ngày 27/11/2025 của Sở Xây dựng thành phố Hải Phòng cấp cho Công ty cổ phần đầu tư phát triển bất động sản Nam Đô được phép xây dựng công trình thuộc dự án Nhà ở xã hội thuộc Khu dân cư, nhà ở công nhân và dịch vụ Khu công nghiệp Tân Trường, huyện Cẩm Giàng;

- Nhà ở đã được khởi công xây dựng theo quy định của pháp luật về xây dựng: Theo Thông báo số 2711/2025/TB-NĐ ngày 27/11/2025 của Công ty cổ phần đầu tư phát triển bất động sản Nam Đô về việc khởi công thực hiện dự án Nhà ở xã hội thuộc Khu dân cư, nhà ở công nhân và dịch vụ Khu công nghiệp Tân Trường, huyện Cẩm Giàng, tỉnh Hải Dương (nay là xã Mao Điền, thành phố Hải Phòng).

2. Về điều kiện giấy tờ quyền sử dụng đất theo quy định tại khoản 2, Điều 24, Luật kinh doanh bất động sản 2023: Quyết định số 4500/QĐ-UBND ngày 10/11/2025 của Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng về việc giao đất cho Công ty cổ phần đầu tư phát triển bất động sản Nam Đô để thực hiện Dự án nhà ở xã hội thuộc Khu dân cư, nhà ở công nhân và dịch vụ Khu công nghiệp Tân Trường, huyện Cẩm Giàng, tỉnh Hải Dương.

3. Về điều kiện giấy tờ nghiệm thu hoàn thành xây dựng cơ sở hạ tầng kỹ thuật tương ứng theo tiến độ dự án quy định tại điểm c, Điều 24, Luật Kinh doanh bất động sản 2023 và điểm b khoản 3 Điều 88 của Luật Nhà ở 2023:

- Văn bản số 4245/UBND-VP ngày 18/11/2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hải Dương về việc nghiệm thu hạ tầng kỹ thuật Dự án đầu tư xây dựng khu dân cư, nhà ở công nhân và dịch vụ Khu công nghiệp Tân Trường, huyện Cẩm Giàng;

- Thông báo số 714/TB-SXD ngày 29/12/2025 của Sở Xây dựng thành phố Hải Phòng về việc Thông báo kết quả kiểm tra công tác nghiệm thu trong quá trình thi công hạng mục công trình ngầm tòa CT4 của dự án Nhà ở xã hội thuộc Khu dân cư, nhà ở công nhân và dịch vụ Khu công nghiệp Tân Trường, huyện Cẩm Giàng.

4. Về điều kiện nhà ở nằm trong dự án bất động sản đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền chấp thuận theo quy định của pháp luật tại khoản 5, điều 24, Luật Kinh doanh bất động sản 2023:

- Quyết định số 2738/QĐ-UBND ngày 29/6/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hải Dương về việc chấp thuận chủ trương đầu tư dự án đầu tư xây dựng nhà ở xã hội thuộc khu dân cư, nhà ở công nhân và dịch vụ Khu công nghiệp Tân Trường, huyện Cẩm Giàng;

- Quyết định 3945/QĐ-UBND ngày 02/10/2025 của Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng về việc giao chủ đầu tư thực hiện dự án nhà ở xã hội thuộc Khu dân cư, nhà ở công nhân và dịch vụ Khu công nghiệp Tân Trường, huyện Cẩm Giàng (nay là xã Mao Điền, thành phố Hải Phòng);

5. Về việc đáp ứng đủ điều kiện quy định tại khoản 6, Điều 24, Luật Kinh doanh bất động sản 2023 :

- Dự án đầu tư xây dựng nhà ở xã hội thuộc Khu dân cư, nhà ở công nhân và dịch vụ Khu công nghiệp Tân Trường, huyện Cẩm Giàng đáp ứng các yêu cầu theo quy định đối với dự án bất động sản: Phù hợp với quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất, phù hợp với quy hoạch được phê duyệt theo quy định của pháp luật về xây dựng, pháp luật về quy hoạch đô thị, đầu tư xây dựng dự án bất động sản thực hiện theo quy định của pháp luật về: quy hoạch, đầu tư, đất đai, xây dựng, nhà ở và pháp luật có liên quan, tuân thủ giấy phép xây dựng đối với trường hợp phải cấp giấy phép xây dựng, được đầu tư xây dựng theo tiến độ, quy hoạch, thiết kế và trong thời hạn thực hiện dự án đầu tư được cơ quan nhà nước có thẩm quyền chấp thuận, đáp ứng các yêu cầu theo quy định của pháp luật về nhà ở.

- 298 căn hộ (tòa CT4) dạng chung cư tại dự án đầu tư xây dựng Khu dân cư, nhà ở công nhân và dịch vụ Khu công nghiệp Tân Trường, huyện Cẩm Giàng không thuộc trường hợp đang có tranh chấp về quyền sử dụng đất gắn với nhà ở, công trình xây dựng, tranh chấp về quyền sở hữu nhà ở, công trình xây dựng đưa vào kinh doanh đang được cơ quan có thẩm quyền thông báo, thụ lý và giải quyết; trường hợp có tranh chấp thì đã được cơ quan có thẩm quyền giải quyết bằng bản án, quyết định, phán quyết đã có hiệu lực pháp luật; không bị kê biên để bảo đảm thi hành án; không thuộc trường hợp luật cấm giao dịch; không thuộc trường hợp đang trong thời gian bị đình chỉ, tạm đình chỉ giao dịch theo quy định của pháp luật, quy định tại các điểm b, c, d, đ, khoản 1, điểm a và điểm c khoản 2, Điều 14, Luật Kinh doanh bất động sản 2023.

- Dự án thuộc diện được miễn tiền sử dụng đất theo quy định của pháp luật.

6. Dự án đã được công khai thông tin về bất động sản, dự án bất động sản đưa vào kinh doanh theo quy định tại Điều 6 của Luật Kinh doanh bất động sản 2023.

V. Trách nhiệm, yêu cầu đối với Công ty cổ phần đầu tư phát triển bất động sản Nam Đô (Chủ đầu tư)

- Thực hiện trách nhiệm quy định tại Điều 17, Luật Kinh doanh bất động sản 2023;

- Chịu trách nhiệm về các thông tin về dự án, nhà ở hình thành trong tương lai tại dự án đầy đủ, chính xác, trung thực; Cung cấp công khai thông tin về tiến độ thực hiện đầu tư xây dựng nhà ở cho bên mua theo hợp đồng mua bán đã ký kết hoặc cơ quan nhà nước có thẩm quyền khi có yêu cầu;

- Chịu trách nhiệm về bảo đảm nhà ở hình thành trong tương lai tại dự án đã đáp ứng đủ điều kiện để được bán theo quy định tại Điều 24 của Luật Kinh doanh bất động sản 2023;

- Ký hợp đồng mua bán nhà ở hình thành trong tương lai tuân thủ quy định và đáp ứng các điều kiện theo quy định của pháp luật về kinh doanh bất động sản và điểm g, khoản 1, Điều 38 Nghị định số 100/2024/NĐ-CP ngày 26/7/2024 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều của Luật nhà ở về phát triển quản lý nhà ở xã hội;

- Trước khi đưa 298 căn hộ (tòa CT4) chung cư nhà ở xã hội thuộc dự án Khu dân cư, nhà ở công nhân và dịch vụ Khu công nghiệp Tân Trường, huyện Cẩm Giàng đưa vào kinh doanh nhà ở hình thành trong tương lai, phải thực hiện việc công khai thông tin theo quy định tại khoản 1, khoản 3, Điều 6, Luật Kinh doanh bất động sản 2023 và Điều 4, Nghị định số 96/2024/NĐ-CP ngày 24/7/2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Kinh doanh bất động sản 2023;

- Trước khi bán nhà ở hình thành trong tương lai phải thực hiện việc giải chấp đối với trường hợp chủ đầu tư dự án xây dựng nhà ở xã hội có thể chấp nhà ở này, trừ trường hợp được người mua và bên nhận thế chấp đồng ý không phải giải chấp;

- Sử dụng tiền đã thu từ bên mua để đầu tư xây dựng dự án, nhà ở đã được bán đúng mục đích sử dụng theo thỏa thuận trong hợp đồng đã ký kết; tuân thủ quy định của pháp luật về phòng, chống rửa tiền;

- Không ủy quyền cho tổ chức, cá nhân khác ký hợp đồng đặt cọc, hợp đồng mua bán nhà ở hình thành trong tương lai; Chỉ được thu tiền đặt cọc không quá 5% giá bán nhà ở từ bên đặt cọc để mua khi nhà ở đã có đủ các điều kiện đưa vào kinh doanh theo quy định của Luật Kinh doanh bất động sản 2023. Thỏa thuận đặt cọc phải ghi rõ giá bán nhà ở;

- Thực hiện việc bán nhà ở xã hội hình thành trong tương lai theo đúng đối tượng, hình thức, điều kiện và nguyên tắc theo quy định tại Điều 76, 77, 78, 79 Luật Nhà ở 2023; thực hiện trình tự thủ tục bán nhà ở xã hội theo quy định tại Điều 38 Nghị định số 100/2024/NĐ-CP ngày 26/7/2024 của Chính phủ và các quy định pháp luật có liên quan;

- Thực hiện các quy định về quản lý, sử dụng nhà chung cư theo quy định của Luật Nhà ở 2023; Nghị định số 95/2024/NĐ-CP ngày 24/7/2024 của Chính phủ;

Thông tư số 05/2024/TT-BXD ngày 31/7/2024 của Bộ Xây dựng “Quy định chi tiết một số điều của Luật Nhà ở 2023” và các quy định pháp luật hiện hành; thực hiện việc ký hợp đồng theo quy định tại Thông tư số 05/2024/TT-BXD ngày 31/7/2024 của Bộ Xây dựng và các văn bản hướng dẫn thi hành (trong đó cần xác định rõ phần sở hữu riêng, phần sở hữu chung của nhà chung cư; nhà sinh hoạt cộng đồng; chỗ để xe, việc xác định diện tích sử dụng căn hộ, diện tích khác trong nhà chung cư; kinh phí bảo trì nhà chung cư; cơ chế giải quyết tranh chấp phát sinh... đảm bảo theo đúng quy định hiện hành);

VI. Đề nghị:

Sở Xây dựng đề nghị Công ty cổ phần đầu tư phát triển bất động sản Nam Đô thực hiện các nội dung:

1. Thực hiện các quy định tại Luật Nhà ở 2023, Luật Kinh doanh bất động sản 2023, Luật Đất đai 2024, Luật Xây dựng 2020 và các văn bản quy phạm pháp luật khác có liên quan.

2. Chịu trách nhiệm trước pháp luật, Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng về tính chính xác của các tài liệu, số liệu đã cung cấp và các nội dung tại Văn bản số 3012/2025/SHP-ĐT ngày 30/12/2025. Sở Xây dựng chỉ xem xét các nội dung, thành phần hồ sơ so với các quy định tại khoản 3 Điều 88 Luật Nhà ở 2023 và Điều 24 của Luật Kinh doanh bất động sản 2023; không xem xét và chịu trách nhiệm về trình tự, thủ tục, nội dung, thẩm quyền quyết định theo quy định của pháp luật về đầu tư, xây dựng, môi trường, phòng cháy chữa cháy. Trước khi ký Hợp đồng mua bán nhà ở hình thành trong tương lai, chủ đầu tư phải giải chấp đối với trường hợp chủ đầu tư dự án đầu tư xây dựng nhà ở xã hội có thể chấp nhà ở này, trừ trường hợp được người mua, thuê mua và bên nhận thế chấp đồng ý không phải giải chấp.

3. Tiếp tục triển khai đảm bảo thực hiện dự án theo quy hoạch, giấy phép xây dựng, thiết kế, tiến độ được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

4. Trước thời điểm thông báo tiếp nhận hồ sơ đăng ký mua, thuê mua nhà ở xã hội 30 ngày, chủ đầu tư phải gửi quyết định giá bán, giá thuê mua nhà ở xã hội kèm theo hồ sơ xây dựng giá bán, giá thuê mua đã được thẩm tra, kết quả thẩm tra về Sở Xây dựng để công khai giá bán, giá thuê mua nhà ở xã hội lên cổng thông tin điện tử của Ủy ban nhân dân thành phố và Trang thông tin điện tử của Sở Xây dựng.

5. Căn cứ phương pháp xác định giá bán, giá thuê mua nhà ở xã hội và lợi nhuận định mức theo quy định của pháp luật về nhà ở, chủ đầu tư tự xây dựng, thuê tư vấn có đủ điều kiện năng lực về hoạt động xây dựng để thẩm tra trước khi chủ đầu tư phê duyệt giá bán, giá thuê mua nhà ở xã hội, đảm bảo theo quy định tại khoản 1 Điều 8 Nghị quyết số 201/2025/QH15 ngày 29/5/2025 của Quốc hội thí điểm về một số cơ chế, chính sách đặc thù phát triển nhà ở xã hội, chủ đầu tư chịu trách nhiệm về kết quả thực hiện theo đúng quy định của pháp luật.

6. Thực hiện chế độ báo cáo tình hình triển khai thực hiện Dự án và tình hình giao dịch tại Dự án theo quy định tại Điều 6 của Luật Kinh doanh bất động sản 2023 và Nghị định số 94/2024/NĐ-CP ngày 24/7/2024 của Chính phủ.

7. Việc ký kết các hợp đồng mua bán, cho thuê nhà ở xã hội thực hiện theo Thông tư số 05/2024/TT-BXD ngày 31/7/2024 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng quy định chi tiết một số điều của Luật Nhà ở 2023.

Sở Xây dựng thông báo đề Công ty cổ phần đầu tư phát triển bất động sản Nam Đô được biết và thực hiện theo quy định./.

Nơi nhận:

- Như kính gửi;
- UBND TP (để b/c);
- Thuế thành phố Hải Phòng (để p/h);
- UBND xã Mao Điền;
- GD SXD (để b/c);
- PGD SXD N.H.Long;
- VP Sở (đăng tải trên Cổng thông tin điện tử của Sở Xây dựng);
- Lưu VP, P.QLN.

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**

Nguyễn Hoài Long

DANH SÁCH 298 CĂN HỘ (TÒA CT4) CHUNG CƯ NHÀ Ở XÃ HỘI HÌNH THÀNH TRONG TƯƠNG LAI ĐỦ ĐIỀU KIỆN CHUYỂN NHƯỢNG TẠI DỰ ÁN KHU DÂN CƯ, NHÀ Ở CÔNG NHÂN VÀ DỊCH VỤ KHU CÔNG NGHIỆP TÂN TRƯỜNG, HUYỆN CẨM GIÀNG (NAY LÀ XÃ MAO ĐIỀN, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG)
(Kèm theo Công văn số...../SXD-QLN ngày /01/2026 của Sở Xây dựng)

STT	Tầng	Mã căn hộ	Ký hiệu trong bản vẽ	Diện tích thông thủy (m2)	Ghi chú
1	1	CT4-0101	CĂN HỘ 01	45.5	
2	1	CT4-0102	CĂN HỘ 02	64.31	
3	1	CT4-0103	CĂN HỘ 03	57.48	
4	1	CT4-0104	CĂN HỘ 04	73.98	
5	1	CT4-0105	CĂN HỘ 05	74.78	
6	1	CT4-0106	CĂN HỘ 06	51.86	
7	1	CT4-0107	CĂN HỘ 07	64.31	
8	1	CT4-0108	CĂN HỘ 08	62.38	
9	1	CT4-0109	CĂN HỘ 09	57.48	
10	1	CT4-0110	CĂN HỘ 10	57.48	
11	1	CT4-0111	CĂN HỘ 11	74.4	
12	1	CT4-0112	CĂN HỘ 12	55.62	
13	1	CT4-0112A	CĂN HỘ 12A	45.55	
14	2	CT4-0201	CH-C 01	28.49	
15	2	CT4-0202	CH-C 02	28.51	
16	2	CT4-0203	CH-C 03	28.52	
17	2	CT4-0204	CH-C 04	28.52	
18	2	CT4-0205	CH-A 05	58.98	
19	2	CT4-0206	CH-B 06	68.45	
20	2	CT4-0207	CH-B 07	68.67	
21	2	CT4-0208	CH-D 08	35.74	
22	2	CT4-0209	CH-A 09	58.98	
23	2	CT4-0210	CH-A 10	58.98	
24	2	CT4-0211	CH-A 11	58.98	
25	2	CT4-0212	CH-A 12	58.98	

26	2	CT4-0213	CH-B 13	68.45	
27	2	CT4-0214	CH-B 14	68.45	
28	2	CT4-0215	CH-D 15	35.94	
29	3	CT4-0301	CH-C 01	28.49	
30	3	CT4-0302	CH-C 02	28.51	
31	3	CT4-0303	CH-C 03	28.52	
32	3	CT4-0304	CH-C 04	28.52	
33	3	CT4-0305	CH-A 05	58.98	
34	3	CT4-0306	CH-B 06	68.45	
35	3	CT4-0307	CH-B 07	68.67	
36	3	CT4-0308	CH-D 08	35.74	
37	3	CT4-0309	CH-A 09	58.98	
38	3	CT4-0310	CH-A 10	58.98	
39	3	CT4-0311	CH-A 11	58.98	
40	3	CT4-0312	CH-A 12	58.98	
41	3	CT4-0313	CH-B 13	68.45	
42	3	CT4-0314	CH-B 14	68.45	
43	3	CT4-0315	CH-D 15	35.94	
44	4	CT4-0401	CH-C 01	28.49	
45	4	CT4-0402	CH-C 02	28.51	
46	4	CT4-0403	CH-C 03	28.52	
47	4	CT4-0404	CH-C 04	28.52	
48	4	CT4-0405	CH-A 05	58.98	
49	4	CT4-0406	CH-B 06	68.45	
50	4	CT4-0407	CH-B 07	68.67	
51	4	CT4-0408	CH-D 08	35.74	
52	4	CT4-0409	CH-A 09	58.98	
53	4	CT4-0410	CH-A 10	58.98	
54	4	CT4-0411	CH-A 11	58.98	
55	4	CT4-0412	CH-A 12	58.98	
56	4	CT4-0413	CH-B 13	68.45	

57	4	CT4-0414	CH-B 14	68.45	
58	4	CT4-0415	CH-D 15	35.94	
59	5	CT4-0501	CH-C 01	28.49	
60	5	CT4-0502	CH-C 02	28.51	
61	5	CT4-0503	CH-C 03	28.52	
62	5	CT4-0504	CH-C 04	28.52	
63	5	CT4-0505	CH-A 05	58.98	
64	5	CT4-0506	CH-B 06	68.45	
65	5	CT4-0507	CH-B 07	68.67	
66	5	CT4-0508	CH-D 08	35.74	
67	5	CT4-0509	CH-A 09	58.98	
68	5	CT4-0510	CH-A 10	58.98	
69	5	CT4-0511	CH-A 11	58.98	
70	5	CT4-0512	CH-A 12	58.98	
71	5	CT4-0513	CH-B 13	68.45	
72	5	CT4-0514	CH-B 14	68.45	
73	5	CT4-0515	CH-D 15	35.94	
74	6	CT4-0601	CH-C 01	28.49	
75	6	CT4-0602	CH-C 02	28.51	
76	6	CT4-0603	CH-C 03	28.52	
77	6	CT4-0604	CH-C 04	28.52	
78	6	CT4-0605	CH-A 05	58.98	
79	6	CT4-0606	CH-B 06	68.45	
80	6	CT4-0607	CH-B 07	68.67	
81	6	CT4-0608	CH-D 08	35.74	
82	6	CT4-0609	CH-A 09	58.98	
83	6	CT4-0610	CH-A 10	58.98	
84	6	CT4-0611	CH-A 11	58.98	
85	6	CT4-0612	CH-A 12	58.98	
86	6	CT4-0613	CH-B 13	68.45	
87	6	CT4-0614	CH-B 14	68.45	

88	6	CT4-0615	CH-D 15	35.94	
89	7	CT4-0701	CH-C 01	28.49	
90	7	CT4-0702	CH-C 02	28.51	
91	7	CT4-0703	CH-C 03	28.52	
92	7	CT4-0704	CH-C 04	28.52	
93	7	CT4-0705	CH-A 05	58.98	
94	7	CT4-0706	CH-B 06	68.45	
95	7	CT4-0707	CH-B 07	68.67	
96	7	CT4-0708	CH-D 08	35.74	
97	7	CT4-0709	CH-A 09	58.98	
98	7	CT4-0710	CH-A 10	58.98	
99	7	CT4-0711	CH-A 11	58.98	
100	7	CT4-0712	CH-A 12	58.98	
101	7	CT4-0713	CH-B 13	68.45	
102	7	CT4-0714	CH-B 14	68.45	
103	7	CT4-0715	CH-D 15	35.94	
104	8	CT4-0801	CH-C 01	28.49	
105	8	CT4-0802	CH-C 02	28.51	
106	8	CT4-0803	CH-C 03	28.52	
107	8	CT4-0804	CH-C 04	28.52	
108	8	CT4-0805	CH-A 05	58.98	
109	8	CT4-0806	CH-B 06	68.45	
110	8	CT4-0807	CH-B 07	68.67	
111	8	CT4-0808	CH-D 08	35.74	
112	8	CT4-0809	CH-A 09	58.98	
113	8	CT4-0810	CH-A 10	58.98	
114	8	CT4-0811	CH-A 11	58.98	
115	8	CT4-0812	CH-A 12	58.98	
116	8	CT4-0813	CH-B 13	68.45	
117	8	CT4-0814	CH-B 14	68.45	
118	8	CT4-0815	CH-D 15	35.94	

119	9	CT4-0901	CH-C 01	28.49	
120	9	CT4-0902	CH-C 02	28.51	
121	9	CT4-0903	CH-C 03	28.52	
122	9	CT4-0904	CH-C 04	28.52	
123	9	CT4-0905	CH-A 05	58.98	
124	9	CT4-0906	CH-B 06	68.45	
125	9	CT4-0907	CH-B 07	68.67	
126	9	CT4-0908	CH-D 08	35.74	
127	9	CT4-0909	CH-A 09	58.98	
128	9	CT4-0910	CH-A 10	58.98	
129	9	CT4-0911	CH-A 11	58.98	
130	9	CT4-0912	CH-A 12	58.98	
131	9	CT4-0913	CH-B 13	68.45	
132	9	CT4-0914	CH-B 14	68.45	
133	9	CT4-0915	CH-D 15	35.94	
134	10	CT4-1001	CH-C 01	28.49	
135	10	CT4-1002	CH-C 02	28.51	
136	10	CT4-1003	CH-C 03	28.52	
137	10	CT4-1004	CH-C 04	28.52	
138	10	CT4-1005	CH-A 05	58.98	
139	10	CT4-1006	CH-B 06	68.45	
140	10	CT4-1007	CH-B 07	68.67	
141	10	CT4-1008	CH-D 08	35.74	
142	10	CT4-1009	CH-A 09	58.98	
143	10	CT4-1010	CH-A 10	58.98	
144	10	CT4-1011	CH-A 11	58.98	
145	10	CT4-1012	CH-A 12	58.98	
146	10	CT4-1013	CH-B 13	68.45	
147	10	CT4-1014	CH-B 14	68.45	
148	10	CT4-1015	CH-D 15	35.94	
149	11	CT4-1101	CH-C 01	28.49	

150	11	CT4-1102	CH-C 02	28.51	
151	11	CT4-1103	CH-C 03	28.52	
152	11	CT4-1104	CH-C 04	28.52	
153	11	CT4-1105	CH-A 05	58.98	
154	11	CT4-1106	CH-B 06	68.45	
155	11	CT4-1107	CH-B 07	68.67	
156	11	CT4-1108	CH-D 08	35.74	
157	11	CT4-1109	CH-A 09	58.98	
158	11	CT4-1110	CH-A 10	58.98	
159	11	CT4-1111	CH-A 11	58.98	
160	11	CT4-1112	CH-A 12	58.98	
161	11	CT4-1113	CH-B 13	68.45	
162	11	CT4-1114	CH-B 14	68.45	
163	11	CT4-1115	CH-D 15	35.94	
164	12	CT4-1201	CH-C 01	28.49	
165	12	CT4-1202	CH-C 02	28.51	
166	12	CT4-1203	CH-C 03	28.52	
167	12	CT4-1204	CH-C 04	28.52	
168	12	CT4-1205	CH-A 05	58.98	
169	12	CT4-1206	CH-B 06	68.45	
170	12	CT4-1207	CH-B 07	68.67	
171	12	CT4-1208	CH-D 08	35.74	
172	12	CT4-1209	CH-A 09	58.98	
173	12	CT4-1210	CH-A 10	58.98	
174	12	CT4-1211	CH-A 11	58.98	
175	12	CT4-1212	CH-A 12	58.98	
176	12	CT4-1213	CH-B 13	68.45	
177	12	CT4-1214	CH-B 14	68.45	
178	12	CT4-1215	CH-D 15	35.94	
179	13	CT4-1216	CH-C 01	28.49	
180	13	CT4-12A01	CH-C 02	28.51	

181	13	CT4-12A02	CH-C 03	28.52	
182	13	CT4-12A03	CH-C 04	28.52	
183	13	CT4-12A04	CH-A 05	58.98	
184	13	CT4-12A05	CH-B 06	68.45	
185	13	CT4-12A06	CH-B 07	68.67	
186	13	CT4-12A07	CH-D 08	35.74	
187	13	CT4-12A08	CH-A 09	58.98	
188	13	CT4-12A09	CH-A 10	58.98	
189	13	CT4-12A10	CH-A 11	58.98	
190	13	CT4-12A11	CH-A 12	58.98	
191	13	CT4-12A12	CH-B 13	68.45	
192	13	CT4-12A13	CH-B 14	68.45	
193	13	CT4-12A14	CH-D 15	35.94	
194	14	CT4-12B01	CH-C 01	28.49	
195	14	CT4-12B02	CH-C 02	28.51	
196	14	CT4-12B03	CH-C 03	28.52	
197	14	CT4-12B04	CH-C 04	28.52	
198	14	CT4-12B05	CH-A 05	58.98	
199	14	CT4-12B06	CH-B 06	68.45	
200	14	CT4-12B07	CH-B 07	68.67	
201	14	CT4-12B08	CH-D 08	35.74	
202	14	CT4-12B09	CH-A 09	58.98	
203	14	CT4-12B10	CH-A 10	58.98	
204	14	CT4-12B11	CH-A 11	58.98	
205	14	CT4-12B12	CH-A 12	58.98	
206	14	CT4-12B13	CH-B 13	68.45	
207	14	CT4-12B14	CH-B 14	68.45	
208	14	CT4-12B15	CH-D 15	35.94	
209	15	CT4-1501	CH-C 01	28.49	
210	15	CT4-1502	CH-C 02	28.51	
211	15	CT4-1503	CH-C 03	28.52	

212	15	CT4-1504	CH-C 04	28.52	
213	15	CT4-1505	CH-A 05	58.98	
214	15	CT4-1506	CH-B 06	68.45	
215	15	CT4-1507	CH-B 07	68.67	
216	15	CT4-1508	CH-D 08	35.74	
217	15	CT4-1509	CH-A 09	58.98	
218	15	CT4-1510	CH-A 10	58.98	
219	15	CT4-1511	CH-A 11	58.98	
220	15	CT4-1512	CH-A 12	58.98	
221	15	CT4-1513	CH-B 13	68.45	
222	15	CT4-1514	CH-B 14	68.45	
223	15	CT4-1515	CH-D 15	35.94	
224	16	CT4-1601	CH-C 01	28.49	
225	16	CT4-1602	CH-C 02	28.51	
226	16	CT4-1603	CH-C 03	28.52	
227	16	CT4-1604	CH-C 04	28.52	
228	16	CT4-1605	CH-A 05	58.98	
229	16	CT4-1606	CH-B 06	68.45	
230	16	CT4-1607	CH-B 07	68.67	
231	16	CT4-1608	CH-D 08	35.74	
232	16	CT4-1609	CH-A 09	58.98	
233	16	CT4-1610	CH-A 10	58.98	
234	16	CT4-1611	CH-A 11	58.98	
235	16	CT4-1612	CH-A 12	58.98	
236	16	CT4-1613	CH-B 13	68.45	
237	16	CT4-1614	CH-B 14	68.45	
238	16	CT4-1615	CH-D 15	35.94	
239	17	CT4-1701	CH-C 01	28.49	
240	17	CT4-1702	CH-C 02	28.51	
241	17	CT4-1703	CH-C 03	28.52	
242	17	CT4-1704	CH-C 04	28.52	

243	17	CT4-1705	CH-A 05	58.98	
244	17	CT4-1706	CH-B 06	68.45	
245	17	CT4-1707	CH-B 07	68.67	
246	17	CT4-1708	CH-D 08	35.74	
247	17	CT4-1709	CH-A 09	58.98	
248	17	CT4-1710	CH-A 10	58.98	
249	17	CT4-1711	CH-A 11	58.98	
250	17	CT4-1712	CH-A 12	58.98	
251	17	CT4-1713	CH-B 13	68.45	
252	17	CT4-1714	CH-B 14	68.45	
253	17	CT4-1715	CH-D 15	35.94	
254	18	CT4-1801	CH-C 01	28.49	
255	18	CT4-1802	CH-C 02	28.51	
256	18	CT4-1803	CH-C 03	28.52	
257	18	CT4-1804	CH-C 04	28.52	
258	18	CT4-1805	CH-A 05	58.98	
259	18	CT4-1806	CH-B 06	68.45	
260	18	CT4-1807	CH-B 07	68.67	
261	18	CT4-1808	CH-D 08	35.74	
262	18	CT4-1809	CH-A 09	58.98	
263	18	CT4-1810	CH-A 10	58.98	
264	18	CT4-1811	CH-A 11	58.98	
265	18	CT4-1812	CH-A 12	58.98	
266	18	CT4-1813	CH-B 13	68.45	
267	18	CT4-1814	CH-B 14	68.45	
268	18	CT4-1815	CH-D 15	35.94	
269	19	CT4-1901	CH-C 01	28.49	
270	19	CT4-1902	CH-C 02	28.51	
271	19	CT4-1903	CH-C 03	28.52	
272	19	CT4-1904	CH-C 04	28.52	
273	19	CT4-1905	CH-A 05	58.98	

274	19	CT4-1906	CH-B 06	68.45	
275	19	CT4-1907	CH-B 07	68.67	
276	19	CT4-1908	CH-D 08	35.74	
277	19	CT4-1909	CH-A 09	58.98	
278	19	CT4-1910	CH-A 10	58.98	
279	19	CT4-1911	CH-A 11	58.98	
280	19	CT4-1912	CH-A 12	58.98	
281	19	CT4-1913	CH-B 13	68.45	
282	19	CT4-1914	CH-B 14	68.45	
283	19	CT4-1915	CH-D 15	35.94	
284	20	CT4-2001	CH-C 01	28.49	
285	20	CT4-2002	CH-C 02	28.51	
286	20	CT4-2003	CH-C 03	28.52	
287	20	CT4-2004	CH-C 04	28.52	
288	20	CT4-2005	CH-A 05	58.98	
289	20	CT4-2006	CH-B 06	68.45	
290	20	CT4-2007	CH-B 07	68.67	
291	20	CT4-2008	CH-D 08	35.74	
292	20	CT4-2009	CH-A 09	58.98	
293	20	CT4-2010	CH-A 10	58.98	
294	20	CT4-2011	CH-A 11	58.98	
295	20	CT4-2012	CH-A 12	58.98	
296	20	CT4-2013	CH-B 13	68.45	
297	20	CT4-2014	CH-B 14	68.45	
298	20	CT4-2015	CH-D 15	35.94	